

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Số: 52/SAVINA/CV/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Sách Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam:

- Mã chứng khoán: VNB
- Địa chỉ: Số 44 đường Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
- Email:
- Website: <https://www.savina.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét bán niên năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra kết luận không phải là kết luận chấp nhận toàn phần đối với BCTC

(đối với BCTC được soát xét bán niên năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét bán niên năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: <https://savina.com.vn/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC kiểm toán soát xét năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Lê Phương*





## CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 53/SAVINA/CV/2025

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC soát xét bán niên năm 2025

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Kính gửi:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
- Mã chứng khoán : VNB
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lê Phương
- Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Nội dung của thông tin công bố:

- Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính soát xét bán niên 2025 dưới đây:

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2025	6 tháng năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ %
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.910.162.810	14.740.826.665	(830.663.855)	-6%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	13.910.162.810	14.740.826.665	(830.663.855)	-6%
11	4. Giá vốn hàng bán	7.417.946.270	8.161.347.937	(743.401.667)	-9%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	6.492.216.540	6.579.478.728	(87.262.188)	-1%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	60.507.908.694	51.271.259.729	9.236.648.965	18%
22	7. Chi phí tài chính	74.385.142	31.731.264	42.653.878	134%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	3.031.770.456	2.948.263.822	83.506.634	3%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.241.755.258	11.004.779.793	236.975.465	2%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	52.652.214.378	43.865.963.578	8.786.250.800	20%
31	11. Thu nhập khác	33.795.024	45.121.033	(11.326.009)	-25%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	33.795.024	45.121.033	(11.326.009)	-25%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	52.686.009.402	43.911.084.611	8.774.924.791	20%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.696.944.195	8.938.466.301	1.758.477.894	20%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	41.989.065.207	34.972.618.310	7.016.446.897	20%

***Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên:***

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế 6 tháng năm 2025 là: 41.989 triệu đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 830,7 triệu đồng, giá vốn giảm 743,4 triệu đồng nên lợi nhuận gộp giảm 87,3 triệu đồng, tương đương giảm 1%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 9.236,6 triệu đồng, tương đương tăng 18%. Do tăng khoản cho vay, nguồn tiền từ lãi cho vay các năm trước quay về, cho vay tiếp.
- Chi phí tài chính tăng 42,7 triệu đồng, tương đương tăng 134%. Do chênh lệch tỷ giá thanh toán tiền bản quyền ra nước ngoài.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 320,5 triệu đồng, tương đương tăng 2%.
- Chi phí thuế TNDN tăng 1.758 triệu đồng, tương đương tăng 20%. Do doanh thu tài chính tăng, tỷ lệ thuế tăng tương ứng.

**8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>**

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Lê Phương*



## **Công ty Cổ phần Sách Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

## Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025





# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 37

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 phố Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Ông Trần Lê Phương	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Mai	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lê Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Lê Phương, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Số tham chiếu: 11856788/68617528/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

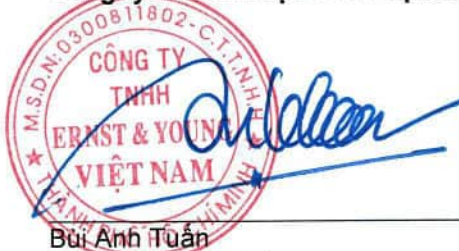


Shape the future  
with confidence

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>140.053.705.294</b>	<b>138.023.073.339</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>3.398.415.568</b>	<b>2.798.764.488</b>
111	1. Tiền		3.398.415.568	2.798.764.488
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>89.000.000.000</b>	<b>111.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		89.000.000.000	111.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>36.558.569.484</b>	<b>14.395.416.348</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.821.145.148	1.674.702.150
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.856.255	6.856.255
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	33.730.568.081	2.713.857.943
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>11.096.720.242</b>	<b>9.328.892.503</b>
141	1. Hàng tồn kho		13.083.212.746	11.315.385.007
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.986.492.504)	(1.986.492.504)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.028.575.887.850</b>	<b>992.691.605.443</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.008.135.000.000</b>	<b>971.736.534.243</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.008.000.000.000	927.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	135.000.000	44.736.534.243
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.087.782.230</b>	<b>3.247.495.102</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.087.782.230	3.247.495.102
222	Nguyên giá		18.236.069.546	18.236.069.546
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.148.287.316)	(14.988.574.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(231.467.000)	(231.467.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>6.611.611.759</b>	<b>6.953.591.677</b>
231	1. Nguyên giá		33.453.922.441	33.453.922.441
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(26.842.310.682)	(26.500.330.764)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.322.500.000</b>	<b>4.322.500.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	4.322.500.000	4.322.500.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>418.993.861</b>	<b>431.484.421</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		418.993.861	431.484.421
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.168.629.593.144</b>	<b>1.130.714.678.782</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>24.325.078.473</b>	<b>28.399.229.318</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>23.528.078.473</b>	<b>27.799.229.318</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.968.814.064	5.795.977.970
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		52.779.556	39.535.725
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	11.224.780.138	19.294.482.261
314	4. Phải trả người lao động		-	769.721.410
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.397.059.961	289.333.334
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.389.734.344	1.104.028.618
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		494.910.410	506.150.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>797.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		797.000.000	600.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.144.304.514.671</b>	<b>1.102.315.449.464</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>1.144.304.514.671</b>	<b>1.102.315.449.464</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ		(160.500.000)	(160.500.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		393.544.263.087	351.555.197.880
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		351.555.197.880	276.450.743.309
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		41.989.065.207	75.104.454.571
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.168.629.593.144</b>	<b>1.130.714.678.782</b>

Hà Nội, Việt Nam

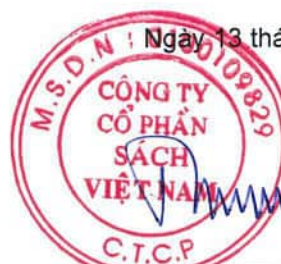
Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	13.910.162.810	14.740.826.665
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	13.910.162.810	14.740.826.665
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(7.417.946.270)	(8.161.347.937)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.492.216.540	6.579.478.728
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	60.507.908.694	51.271.259.729
22	7. Chi phí tài chính		(74.385.142)	(31.731.264)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(3.031.770.456)	(2.948.263.822)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(11.241.755.258)	(11.004.779.793)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.652.214.378	43.865.963.578
31	11. Thu nhập khác		33.795.024	45.121.033
40	13. Lợi nhuận khác		33.795.024	45.121.033
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.686.009.402	43.911.084.611
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(10.696.944.195)	(8.938.466.301)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		41.989.065.207	34.972.618.310
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	618	515
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	618	515

Nguyễn Thị Minh  
Người lập

Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng

Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>52.686.009.402</b>	<b>43.911.084.611</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	501.692.790	506.212.788
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(60.505.282.986)	(51.271.259.729)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(7.317.580.794)</b>	<b>(6.853.962.330)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.189.647.998)	33.500.735
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.767.827.739)	764.795.978
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		4.194.154.939	(3.186.453.047)
12	Giảm chi phí trả trước		12.490.560	51.037.401
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(18.965.249.979)	(17.280.108.117)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(25.033.661.011)</b>	<b>(26.471.189.380)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(73.000.000.000)	(44.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		24.500.000.000	67.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		74.133.312.091	3.181.967.948
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>25.633.312.091</b>	<b>26.181.967.948</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		599.651.080	(289.221.432)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.798.764.488	1.878.162.904
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.398.415.568	1.588.941.472

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 phố Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP ("Công ty Vingroup") là Công ty mẹ của Công ty. Công ty Vingroup và các Công ty con sau đây được gọi chung là Tập đoàn.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 54 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 53 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	- giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó;
- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

*Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh sách và cho thuê bất động sản đầu tư. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động do Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	88.850.246	75.102.632
Tiền gửi ngân hàng	3.309.565.322	2.723.661.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.398.415.568</b>	<b>2.798.764.488</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng VND có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4%/năm đến 5%/năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu từ bán hàng hóa	771.025.256	1.150.173.626
- Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Vạn Xuân	-	355.943.700
- Hiệu sách Thuật	-	150.145.580
- Các khoản phải thu khách hàng khác	771.025.256	644.084.346
Phải thu từ dịch vụ cho thuê	2.050.119.892	524.528.524
- Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	949.057.048	524.528.524
- Công ty Cổ phần Tập đoàn VNGROUP	712.098.799	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	388.964.045	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.821.145.148</b>	<b>1.674.702.150</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Trong đó:		
Phải thu từ khách hàng khác	1.543.522.350	1.135.972.376
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.277.622.798	538.729.774

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản cho vay có tài sản đảm bảo với các đối tác doanh nghiệp, đáo hạn vào tháng 1 năm 2027, hưởng lãi suất 12%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi cho vay (*)	31.790.794.525	-	456.986.301	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.606.849.655	-	1.625.027.741	-
Phải thu ngắn hạn khác	332.923.901	-	631.843.901	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.730.568.081</b>	<b>-</b>	<b>2.713.857.943</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu từ các bên khác	33.440.849.180	-	2.082.014.042	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	289.718.901	-	631.843.901	-
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu lãi cho vay (*)	-	-	44.601.534.243	-
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	135.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>	<b>44.736.534.243</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản lãi phải thu phát sinh từ khoản cho các đối tác doanh nghiệp vay (Thuyết minh số 7).

## 9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.334.446.317	(1.234.540.250)	5.442.999.632	(1.234.540.250)
Thành phẩm	7.748.766.429	(751.952.254)	5.872.385.375	(751.952.254)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.083.212.746</b>	<b>(1.986.492.504)</b>	<b>11.315.385.007</b>	<b>(1.986.492.504)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	1.986.492.504	1.707.399.743
Số cuối kỳ	1.986.492.504	1.707.399.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.090.215.082	18.236.069.546
Số cuối kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.090.215.082	18.236.069.546
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.623.012.364	913.524.181	3.090.215.082	8.626.751.627
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu kỳ	10.984.835.181	913.524.181	3.090.215.082	14.988.574.444
- Khấu hao trong kỳ	159.712.872	-	-	159.712.872
Số cuối kỳ	11.144.548.053	913.524.181	3.090.215.082	15.148.287.316
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu kỳ	3.247.495.102	-	-	3.247.495.102
Số cuối kỳ	3.087.782.230	-	-	3.087.782.230

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	231.467.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu kỳ	231.467.000
- Hao mòn trong kỳ	-
Số cuối kỳ	231.467.000
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu kỳ	-
Số cuối kỳ	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính: VND		
	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu kỳ	30.132.659.562	3.321.262.879	33.453.922.441
Số cuối kỳ	30.132.659.562	3.321.262.879	33.453.922.441
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	9.557.024.754	3.321.262.879	12.878.287.633
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu kỳ	23.179.067.885	3.321.262.879	26.500.330.764
- Khấu hao trong kỳ	341.979.918	-	341.979.918
Số cuối kỳ	23.521.047.803	3.321.262.879	26.842.310.682
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu kỳ	6.953.591.677	-	6.953.591.677
Số cuối kỳ	6.611.611.759	-	6.611.611.759

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần các tòa nhà tại số 44 phố Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm; số 22B phố Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam; Kho Bãi Chám tại xã Đông Anh và số 2 đường Chùa Hà, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 do không có thị trường giao dịch cho các bất động sản này.

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(\*) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A phố Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)
Đầu tư vào công ty liên kết	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000
	<b>4.322.500.000</b>	<b>-</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>-</b>	<b>4.322.500.000</b>

(\*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu này chưa được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	27,76	27,76	27,76	27,76

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 14,5 tỷ VND. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, phố Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

#### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	4.968.814.064	4.968.814.064	5.795.977.970	5.795.977.970
- Cambridge University Press	202.204.925	202.204.925	624.300.945	624.300.945
- Nhà xuất bản Kim Đồng	474.940.846	474.940.846	291.160.896	291.160.896
- Phải trả đối tượng khác	4.291.668.293	4.291.668.293	4.880.516.129	4.880.516.129
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.968.814.064</b>	<b>4.968.814.064</b>	<b>5.795.977.970</b>	<b>5.795.977.970</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.965.249.979	10.696.944.195	(18.965.249.979)	10.696.944.195
Thuế thu nhập cá nhân	46.846.840	158.737.196	(173.902.074)	31.681.962
Thuế giá trị gia tăng	281.350.250	620.835.806	(406.032.075)	496.153.981
Thuế khác	1.035.192	1.120.495.775	(1.121.530.967)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.294.482.261</b>	<b>12.597.012.972</b>	<b>(20.666.715.095)</b>	<b>11.224.780.138</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trích trước tiền thuê đất	5.177.726.628	-
Các khoản khác	219.333.333	289.333.334
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.397.059.961</b>	<b>289.333.334</b>

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Doanh thu chưa thực hiện từ cho thuê nhà và cho thuê đất	1.389.734.344	1.104.028.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.389.734.344</b>	<b>1.104.028.618</b>

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tính hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Số đầu kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	276.450.743.309	1.027.210.994.893
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	34.972.618.310	34.972.618.310
Số cuối kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	311.423.361.619	1.062.183.613.203
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số đầu kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	351.555.197.880	1.102.315.449.464
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	41.989.065.207	41.989.065.207
Số cuối kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	393.544.263.087	1.144.304.514.671

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn cổ phần của Tập đoàn	443.642.740.000	443.642.740.000	-	443.642.740.000	443.642.740.000	-	-
Vingroup – Công ty CP	67.909.960.000	67.909.960.000	-	67.909.960.000	67.909.960.000	-	-
Vốn cổ phần của Nhà nước	167.546.900.000	167.546.900.000	-	167.546.900.000	167.546.900.000	-	-
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	71.821.151.584	71.821.151.584	-	71.821.151.584	71.821.151.584	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	(160.500.000)	(160.500.000)	-	(160.500.000)	(160.500.000)	-	-
Cổ phiếu quỹ	750.760.251.584	750.760.251.584	-	750.760.251.584	750.760.251.584	-	-
TÓNG CỘNG	750.760.251.584	750.760.251.584	-	750.760.251.584	750.760.251.584	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	679.099.600.000	679.099.600.000
Số cuối năm	679.099.600.000	679.099.600.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**19.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành và đã bán ra công chúng</b>	<b>67.909.960</b>	<b>67.909.960</b>
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.000	15.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang được lưu hành</b>	<b>67.894.960</b>	<b>67.894.960</b>
Cổ phiếu phổ thông	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. DOANH THU

### 20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>13.910.162.810</b>	<b>14.740.826.665</b>
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng hóa	6.372.509.907	7.422.913.411
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	7.537.652.903	7.317.913.254
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>13.910.162.810</b>	<b>14.740.826.665</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	11.996.356.417	13.034.897.311
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.913.806.393	1.705.929.354

### 20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi cho vay	57.975.452.063	48.746.082.191
Lãi tiền gửi	2.529.830.923	2.525.177.538
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.625.708	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.507.908.694</b>	<b>51.271.259.729</b>

### 20.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	7.537.652.903	7.317.913.254
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	2.861.260.409	2.794.807.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.556.685.861	5.366.540.363
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	2.861.260.409	2.794.807.574
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.417.946.270</b>	<b>8.161.347.937</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	2.838.593.030	2.679.283.322
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.752.384	158.128.935
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.565.994	24.501.098
- Chi phí bán hàng khác	61.859.048	86.350.467
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.031.770.456</b>	<b>2.948.263.822</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.623.219.020	7.618.539.662
- Chi phí nhân viên	2.159.798.098	1.977.821.475
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.712.872	164.232.870
- Thuế, phí, lệ phí	426.476.450	416.291.826
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	872.548.818	827.893.960
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.241.755.258</b>	<b>11.004.779.793</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.255.251.895	10.229.496.253
Chi phí nhân công	4.998.391.128	4.657.104.797
Chi phí sản xuất thành phẩm để bán	3.083.795.540	991.513.920
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và khấu hao bất động sản đầu tư	501.692.790	506.212.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.379.450.310	1.355.037.351
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.218.581.663</b>	<b>17.739.365.109</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.696.944.195	8.938.466.301
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.696.944.195</b>	<b>8.938.466.301</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.686.009.402	43.911.084.611
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	10.537.201.880	8.782.216.922
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	159.742.315	156.249.379
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>10.696.944.195</b>	<b>8.938.466.301</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách công ty mẹ của Công ty và công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin và Hạ tầng truyền dẫn VinITIS	Công ty cùng tập đoàn

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	1.506.286.188	1.506.286.188
		Tiền thuê nhà đã thu	1.149.057.048	1.288.920.775
		Chi phí in sách	392.000.000	144.400.000
		Tiền in sách đã trả	423.360.000	155.952.000
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	256.925.654	57.087.858
		Tiền bán hàng đã thu	98.986.500	55.677.750
Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	144.155.265	78.641.642
		Tiền bán hàng đã thu	13.718.300	82.518.375
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	6.439.286	63.913.666
		Tiền bán hàng đã thu	-	67.109.350
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ thông tin và hạ tầng truyền dẫn VinITIS	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí vận hành hóa đơn điện tử	680.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn kể từ tháng 1 năm 2024	Lãi phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	5.983.561.644

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	949.057.048	524.528.524
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu bán hàng	184.124.750	14.201.250
Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu bán hàng	137.679.750	-
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu bán hàng	6.761.250	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.277.622.798</b>	<b>538.729.774</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b> (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần In sách Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia Phải thu khác	281.750.000 7.968.901	623.875.000 7.968.901
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>289.718.901</b>	<b>631.843.901</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch	-	-
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ông Trần Lê Phương	Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng Giám đốc	313.851.825	294.405.502
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>313.851.825</b>	<b>294.405.502</b>

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	99.324.536	98.974.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.989.065.207	34.972.618.310
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>41.989.065.207</b>	<b>34.972.618.310</b>
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>41.989.065.207</b>	<b>34.972.618.310</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.894.960	67.894.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>67.894.960</b>	<b>67.894.960</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	618	515
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	618	515

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

## 27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày:

				Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng/dịch vụ ra bên ngoài	6.372.509.907	Cho thuê bất động sản	-	13.910.162.810
Tổng doanh thu	6.372.509.907	đầu tư	-	13.910.162.810
Kết quả				
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	1.815.824.046		-	6.492.216.540
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)	-		-	46.193.792.862
Lợi nhuận thuần trước thuế	-		-	52.686.009.402
Chi phí thuế TNDN	-		-	10.696.944.195
Lợi nhuận thuần sau thuế	-		-	41.989.065.207
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	15.097.383.983		-	23.759.115.634
Tài sản không phân bổ (ii)	-		-	1.144.870.477.510
Tổng tài sản	5.021.341.797		-	1.168.629.593.144
Công nợ bộ phận	-		-	7.703.238.374
Công nợ không phân bổ (iii)	-		-	16.621.840.099
Tổng công nợ	-		-	24.325.078.473
Các thông tin bộ phận khác				
Khấu hao	159.712.872		-	501.692.790
Phân bổ chi phí trả trước	139.022.694		-	162.779.795



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Kinh doanh sách và bán lẻ khác	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Doanh thu	7.422.913.411	7.317.913.254	-	14.740.826.665
Doanh thu từ bán hàng/dịch vụ ra bên ngoài	7.422.913.411	7.317.913.254	-	14.740.826.665
Giá vốn các bộ phận	5.366.540.363	2.794.807.574	-	8.161.347.937
Kết quả				
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	2.056.373.048	4.523.105.680	-	6.579.478.728
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)	-	-	-	37.331.605.883
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	43.911.084.611
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	8.938.466.301
Lợi nhuận thuần sau thuế				34.972.618.310
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	13.868.417.486	7.478.120.201	-	21.346.537.687
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	-	1.109.368.141.095
Tổng tài sản				1.130.714.678.782
Công nợ bộ phận	5.835.513.695	2.210.178.618	-	8.045.692.313
Công nợ không phân bổ (iii)	-	-	-	20.353.537.005
Tổng công nợ				28.399.229.318
Các thông tin bộ phận khác				
Khấu hao	164.232.870	341.979.918	-	506.212.788
Phân bổ chi phí trả trước	104.439.806	13.297.225	-	117.737.031

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, thuế và các khoản phải thu Nhà nước, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn;
- (iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động và chi phí trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

### *Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất và thuê nhà của Công ty*

Công ty hiện đang sử dụng lô đất và tài sản trên đất tại 44 Tràng Tiền, 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan quản lý Nhà nước để gia hạn các hợp đồng thuê đất này.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, xã Đông Anh và số 2 phố Chùa Hà, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với các cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

Hàng năm, Công ty nộp tiền thuê nhà theo thông báo của Xí nghiệp quản lý Nhà Hà Nội và nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi cục thuế quận Hoàn Kiếm (hiện tại là Chi cục thuế Khu vực I).

## 29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc

## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)